

Số: 3496/GP-UBND

TP Lạng Sơn, ngày 06 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu dân cư khối 3 phường Hoàng Văn Thụ,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thảo Viên tại văn bản số 10/CV-TV ngày 06/11/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 753/TTr-TNMT ngày 30/11/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Thảo Viên, địa chỉ tại: khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn

1.2. Địa điểm hoạt động: khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900260819 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn, đăng ký lần thứ nhất ngày 27/8/2007; đăng ký thay đổi lần 7 ngày 30/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 4900260819.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm III theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: 67 lô đất ở liền kề, diện tích 7.910,98 m², trong đó có 61 lô đất nền và 06 lô đất xây thô nhà ở có mặt tiền tiếp giáp đường Bà Triệu, chiều cao 05 tầng, gồm các lô: NLK01-01, NLK04-01, NLK01-02, NLK04-02, NLK01-03, NLK04-03.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm yêu cầu về quản lý chất thải và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thảo Viên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thảo Viên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lạng Sơn, UBND Hoàng Văn Thụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thảo Viên;
- CT, PCT UBND TP;
- Phòng TNMT TP;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- Trang TTĐT TP;
- Lưu VT, XD.

**TM. UBND THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Công Dũng

PHỤ LỤC 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3496/GP-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023
của UBND thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình có lưu lượng 40,2 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố Lạng Sơn.

2.2. Vị trí xả thải: Nước thải sau khi xử lý bề tự hoại thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Lạng Sơn (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107^o15' múi chiều 3^o) có tọa độ như sau :

$$X = 2418168;$$

$$Y = 449285$$

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 40,3 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Giãn đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, k =1). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅	mg/L	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0	
6	Amoni	mg/L	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	50	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	10	
11	Tổng Coliform	MPN /100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom → Bể ba ngăn → Hệ thống thoát nước chung của thành phố Lạng Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt → Ngăn 1: Điều hòa, lắng → Ngăn 2: Lắng và phân huỷ sinh học → Ngăn 3: Lọc → Hệ thống thoát nước chung của thành phố Lạng Sơn.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3496/GP-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023
của UBND thành phố Lạng Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	3
2	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	3
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	1
4	Pin ắc quy thải	16 01 12	Rắn	2
Tổng khối lượng				9

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ cơ sở (bao bì, giấy, vỏ chai lọ, nilong,...) trung bình là 260 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đối với phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp về PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC.

+ Tại các vị trí dễ xảy ra cháy nổ đều được bố trí đầy đủ các trang thiết bị chữa cháy ban đầu. Thường xuyên nhắc nhở nhân viên và khách hàng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy PCCC của cơ sở.

+ Thực hiện tốt công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các trang thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra an toàn về điện, cách điện của vỏ máy. Kiểm tra hệ thống công nghệ nhằm phát hiện và khắc phục sửa chữa kịp thời những rò rỉ, hỏng hóc.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3496/GP-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Lạng Sơn)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyên giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đảm bảo các thông số môi trường đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, bao gồm:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.